

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 57 - 59 Hồ Tùng Mậu, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +848.38.221.838

Fax: +848.38.279.804

haiminhgroup@vnn.vn

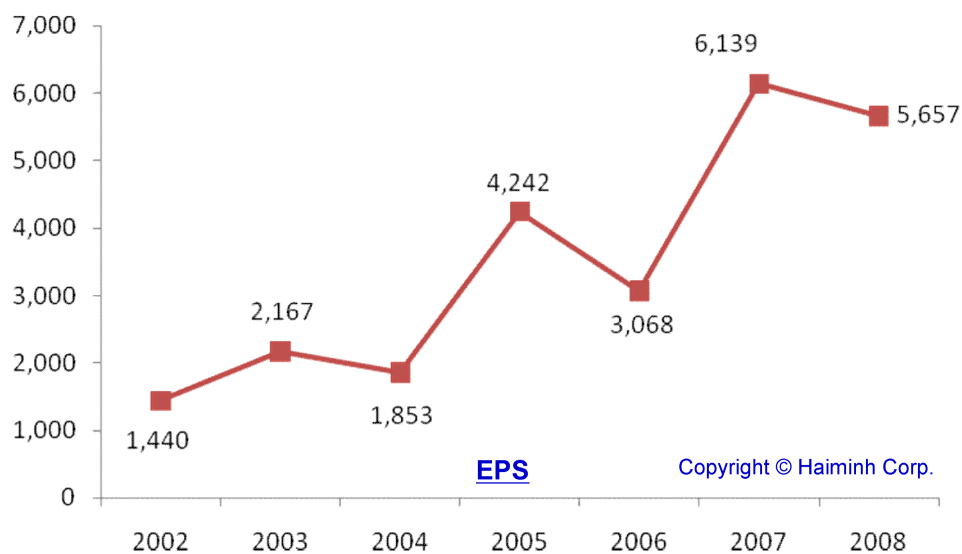
www.haiminh.com.vn



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

ANNUAL REPORT

2008



TP. HỒ CHÍ MINH
09 - 2009

MỤC LỤC

I. Lịch sử hoạt động công ty

1. Khái quát về quá trình hình thành, phát triển của công ty
2. Những sự kiện quan trọng
3. Định hướng phát triển
4. Ban lãnh đạo công ty

II. Thông điệp của chủ tịch hội đồng quản trị

III. Báo cáo tình hình hoạt động công ty

1. Hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát
 - 1.1 Hoạt động của Hội đồng quản trị
 - 1.2 Các hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2008
 - 1.3 Các hoạt động phối hợp giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc
 - 1.4 Quyền lợi của thành viên HĐQT
2. Những thay đổi chủ yếu trong năm 2008
3. Báo cáo của ban giám đốc
 - 3.1. Các công ty con, công ty liên doanh liên kết
 - 3.2. Một số chỉ tiêu tài chính
 - 3.3. Tổng hợp tình hình qua các năm
 - 3.4. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2008
 - 3.4.1 Vận tải bộ
 - 3.4.2 Vận tải thủy
 - 3.4.3 Kinh doanh kho bãi container
 - 3.4.4 Dịch vụ khác
 - 3.4.5 Hoạt động đầu tư liên kết liên doanh
 - 3.5. Cơ cấu đầu tư theo tỷ trọng vốn
 - 3.6. Thay đổi vốn điều lệ và cơ cấu cổ đông
 - 3.7. Tổ chức nhân sự
 - 3.8. Những thuận lợi và khó khăn

4. Báo cáo kiểm toán

4.9 Đặc điểm hoạt động công ty

4.9.1 Thông tin chung về công ty

4.9.2 Tổng số công ty con

4.9.3 Các công ty con được hợp nhất

4.9 Niên độ kế toán và đơn vị tiền tệ sử dụng trong báo cáo

4.9 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

4.9 Các chính sách kế toán áp dụng

4.9.1 Nguyên tắc hợp nhất báo cáo tài chính

4.9.2 Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

4.9.3 Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

4.9.4 Nguyên tắc ghi nhận các khoản thu thương mại và các khoản thu khác

4.9.5 Nguyên tắc ghi nhận khấu hao tài sản cố định

4.9.6 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư dài hạn khác

4.9.7 Ghi nhận chi phí phải trả

4.9.8 Nguồn vốn chủ sở hữu

4.9.9 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

4.9.10 Thuế

4.9.11 Các bên liên quan

4.9.12 Số liệu so sánh

4.9 Kết quả kinh doanh

4.9 Bảng cân đối kế toán

4.9.1 Tài sản

4.9.2 Nguồn vốn

4.9 Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

4.9.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

4.9.2 Các khoản phải thu khác

4.9.3 Hàng tồn kho

4.9.4 Tài sản ngắn hạn khác

4.9.5 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

4.9.6 Tài sản cố định vô hình

4.9.7 Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết

- 4.9.8 Đầu tư dài hạn khác
- 4.9.9 Lợi thế thương mại
- 4.9.10 Thuế và các khoản phải nộp cho nhà nước
- 4.9.11 Vay và nợ dài hạn
- 4.9.12 Vốn chủ sở hữu
- 4.9 Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh
 - 4.9.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
 - 4.9.2 Giá vốn hàng bán
 - 4.9.3 Doanh thu hoạt động tài chính
 - 4.9.4 Chi phí hoạt động tài chính
- 4.9 Những thông tin khác

I. Lịch sử hoạt động của Công ty:**1. Khái quát về quá trình hình thành, phát triển của công ty:**

Công ty Cổ phần Hải Minh thành lập ngày 24/01/2002 theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 4103000801 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp với vốn điều lệ ban đầu là 1,5 tỷ đồng bởi 11 cổ đông sáng lập, hoạt động đa lĩnh vực bao gồm vận tải nội địa và quốc tế; kho vận và phân phối; khai thác cảng và dịch vụ đại lý hàng hải, hàng không; sửa chữa và kinh doanh các thiết bị xếp dỡ chuyên dụng; xây dựng cầu cảng, bến bãi, công trình dân dụng và công nghiệp...

Vốn điều lệ	56.163.800.000 VND
Số lượng cổ phiếu	5.616.380 cổ phiếu
Mệnh giá	10.000 VND

Trụ sở chính
 Lầu Trệt, Toà nhà Vietnam Business Center
 57-59 Hồ Tùng Mậu, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
 Điện thoại: 08.38.221.838 Fax: 08.38.279.804
 Mã số thuế: 0302525162
 Tài khoản: 1.4211.0.00.007732.7 VND - INDOVINA BANK

2. Những sự kiện quan trọng:

- ✚ 02/2007 : Đưa vào hoạt động 02 bãi container rỗng tại HCM
- ✚ 03/2007 : Nâng vốn điều lệ lên 29,2 tỷ đồng
- ✚ 04/2007 : Thành lập Liên doanh với Hãng tàu K'Line (K'Line Vietnam)
- ✚ 04/2007 : Đưa ICD Nam Phát 20.000 m² tại Hải Phòng vào hoạt động
- ✚ 04/2007 : Mở tuyến vận tải container bằng đường thủy Hồ Chí Minh-Campuchia
- ✚ 05/2007 : Liên kết liên doanh với Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải (Maserco), Công ty Cổ phần Xây dựng và Vận tải Hải Đăng, Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Sao Biển (SSIP)
- ✚ 09/2007 : Vận hành tàu sông lớn nhất Việt Nam (72 & 84 Teus)
- ✚ 10/2007 : Nâng vốn điều lệ lên 49,3 tỷ đồng
- ✚ 06/2008 : Nâng vốn điều lệ lên 56.2 tỷ đồng
- ✚ 08/2008 : Tham gia thành lập Công ty cổ phần xếp dỡ Hải An
- ✚ 10/2008 : Hoàn thành đăng ký đại chúng với UBCKNN

3. Định hướng phát triển:

Là không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất, thương mại, dịch vụ trong lĩnh vực hoạt động kinh doanh nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho cổ đông; cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập và đời sống cho người lao động trong Công ty, bảo đảm lợi ích cho các cổ đông, làm tròn nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước.

Tham gia hợp tác với các đối tác chiến lược trong nước và quốc tế trong lĩnh vực tận tải hàng hóa, cảng biển... mục đích xây dựng công ty trở thành một điểm đến tốt nhất về các loại hình dịch vụ Cảng, Bến bãi, Vận chuyển và các dịch vụ liên quan trong khu vực các nước Đông Dương đặc biệt là việc kết nối dịch vụ bờ cho hoạt động vận tải của các Hãng tàu trên thế giới tại khu vực này.

4. Ban lãnh đạo công ty:

Tại đại hội cổ đông ngày 14/07/2007, đại hội đồng cổ đông đã bầu hội đồng quản trị và ban kiểm soát nhiệm kỳ 2007-2012 như sau:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Chủ tịch: Ông **NGUYỄN QUỐC HÙNG**
- Phó Chủ tịch: Ông **PHÙNG VĂN QUANG**
- Thành viên: Ông **NGUYỄN THÀNH CHƯƠNG**
- Thành viên: Ông **NGUYỄN TRUNG KIÊN**
- Thành viên: Bà **NGUYỄN MỸ HẢI**

BAN KIỂM SOÁT

- Trưởng ban: Ông **NGUYỄN THẾ QUÂN**
- Thành viên: Ông **TRIỆU ĐÌNH TRUNG**
- Thành viên: Bà **NGUYỄN THANH THỦY**

BAN GIÁM ĐỐC

- Ông **NGUYỄN THÀNH CHƯƠNG**

II. Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị:

Kính thưa các quý vị cổ đông!

Hôm nay chúng ta về dự đại hội để nghe hội đồng quản trị, ban kiểm soát và ban giám đốc công ty báo cáo tổng kết tình hình hoạt động và tham gia vào việc xây dựng định hướng phát triển trong thời gian tới trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới có những thay đổi ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp đến hoạt động của chúng ta.

Đại hội đồng cổ đông ngày 14/07/2007 vạch ra một số chiến lược phát triển và đã được hội đồng quản trị, ban kiểm soát và ban giám đốc triển khai hiệu quả và cho đến hôm nay kết quả cho thấy chúng ta đã và đang đi đúng định hướng, công ty đã đạt được những kết quả đáng khích lệ kể cả về qui mô lẫn hiệu quả.

Kính thưa quý vị cổ đông!

Năm 2008 thế giới chứng kiến nhiều sự thay đổi mà hầu hết là bất lợi đối với toàn nền kinh tế, hậu quả của nó còn khốc liệt hơn cả cuộc khủng hoảng tài chính năm 1997 và đang là thách thức lớn đối với mọi thành phần kinh tế. Đầu năm 2008 chứng kiến sự tăng giá lạ lùng của dầu thô vượt ngưỡng 140 đôla mỹ/thùng, giá cả hầu hết các mặt hàng đều tăng cao kể cả chi phí vốn vay cũng lên đỉnh 20%/năm, tiếp theo là sự sụp đổ liên hoàn của các công ty mỹ do hệ lụy của việc vỡ tín dụng bất động sản. Ngành hàng hải đối diện với một cuộc khủng hoảng chưa từng thấy, hàng loạt tàu thuyền phải ngừng hoạt động, giá cước vận chuyển giảm hơn 70% đã làm hàng loạt hãng tàu lần đầu tiên đối diện với những khoản lỗ lớn.

Công ty chúng ta với các dịch vụ bờ phụ trợ cho hoạt động vận tải cũng chịu ảnh hưởng nặng bởi sản lượng sụt giảm và sức ép giảm giá từ khách hàng. Tuy nhiên với cơ cấu gọn nhẹ và linh hoạt, uyển chuyển theo sự biến đổi của thị trường nên đã hạn chế nhiều tiêu cực, phát huy nhiều sáng tạo mới tiết kiệm chi phí và tăng cường nguồn thu khác bù vào sự suy giảm do sản lượng thấp. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh đến hết năm 2008 vẫn vượt hơn 27% so với doanh thu năm trước, tổng tài sản đã tăng hơn 27% và lợi nhuận sau thuế cũng vượt hơn 59% so với năm 2007.

Nhân dịp này, cho phép tôi được thay mặt hội đồng quản trị và ban giám đốc chân thành cảm ơn toàn thể quý vị cổ đông, các đối tác, khách hàng và cán bộ công nhân viên đã cùng chung vai sát cánh với công ty trong thời gian qua. Chúc quý vị cổ đông dồi dào sức khỏe và thành công.

Chủ tịch hội đồng quản trị

Nguyễn Quốc Hùng

III. Báo cáo tình hình hoạt động công ty:**1. Hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát****1.1 Hoạt động của Hội đồng quản trị:**

Trong năm 2008, hội đồng quản trị đã tổ chức 05 phiên họp và ban hành 06 nghị quyết liên quan.

- **Công tác tổ chức:** Thực hiện việc chuyển đổi hợp tác xã Nam Phát thành công ty TNHH Nam Phát, chuyển đổi chi nhánh công ty tại Hải phòng thành công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng. Đã bổ sung đầy đủ cán bộ nòng cốt cho các đơn vị.
- **Công tác kế hoạch sản xuất kinh doanh:** Thông qua kế hoạch sản xuất năm 2008, chỉ đạo công tác đầu tư, nhân sự nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển ngày càng tăng của Công ty.
- **Công tác đầu tư:** Theo dõi tiến độ thực hiện các dự án đầu tư đã phê duyệt như dự án đóng mới và đưa vào sử dụng sà lan 84 teus cho tuyến vận tải Hồ Chí Minh – Campuchia, đầu tư xây dựng mới bãi container rộng PISD tại khu vực Hải phòng, đầu tư thêm 5 xe đầu kéo container, tham gia thành lập Công ty Cổ Phần xếp dỡ Hải An...
- **Công tác khác:** Chỉ đạo Ban Giám Đốc hoàn thành xây dựng quy chế quản lý nội bộ, kiểm soát nội bộ, tham gia vào đàm phán với nhiều đối tác để mở rộng mạng lưới dịch vụ trong thời gian tới.
- **Công tác đánh giá, kiểm điểm của Hội đồng quản trị:** Hội đồng quản trị đã nghiêm túc tổ chức các phiên họp thường kỳ nhằm vạch ra các chủ trương đúng đắn cho công ty hoạt động đúng hướng và có hiệu quả. Giám Đốc đã tổ chức triển khai thực hiện tốt những nội dung của nghị quyết, quyết định của HĐQT Công ty đến từng các cán bộ quản lý, phòng ban. Việc thực hiện tốt các quyết định, nghị quyết của HĐQT mang lại sự tăng trưởng cũng như hiệu quả cao cho công ty năm 2008. Hội đồng quản trị làm việc với tinh thần trách nhiệm và quyết tâm cao có những quyết sách đúng đắn đem lại hiệu quả cho Công ty.

1.2 Các hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2008:

- Thẩm định báo cáo tài chính năm;
- Kiểm tra chứng từ gốc thu, chi và các khoản chi phí, hợp đồng kinh tế, các nghiệp vụ kế toán phát sinh năm 2008;
- Tham dự các cuộc họp của HĐQT theo thư mời.

1.3 Các hoạt động phối hợp giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc:

- Ban kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban giám đốc trên tinh thần xây dựng hợp tác, thể hiện các cuộc họp HĐQT đều mở rộng có ban kiểm soát tham dự. Các Nghị quyết của HĐQT đều được chuyển sang ban kiểm soát để Ban kiểm soát theo dõi việc thực hiện các Nghị quyết HĐQT và điều hành của Ban giám đốc;
- Thường xuyên trao đổi cùng HĐQT, Ban Giám đốc trong việc tuân thủ các chính sách chế độ tài chính cũng như việc tuân thủ Điều lệ, Quy chế trong hoạt động của Công ty.

1.4 Quyền lợi của thành viên HĐQT:

Tất cả các thành viên Hội đồng quản trị chỉ hưởng thù lao theo công việc phục vụ cho Công ty. Không có thành viên HĐQT nào có những quyền lợi riêng về giao dịch kinh doanh của họ với công ty.

2. Những thay đổi chủ yếu trong năm 2008:

- Tăng vốn điều lệ từ 49.330.740.000 đ lên 56.163.800.000 đ từ việc chuyển đổi trái phiếu.
- Tuyển vận tải Hồ Chí Minh-Campuchia được bổ sung thêm tàu S1 sức chở 84 tues.
- Đẩy mạnh lĩnh vực khai thác kho bãi bằng việc đưa vào sử dụng Depot PISD tại Hải phòng.
- Tham gia thành lập và góp vốn vào công ty cổ phần xếp dỡ Hải An
- Đầu tư thêm 5 đầu xe container
- Hoàn thành việc đăng ký đại chúng tạo cơ sở để niêm yết cổ phiếu công ty vào năm 2009.

3. Báo cáo của ban giám đốc:**3.1 Các công ty con, công ty liên doanh liên kết****Công ty con**

<i>Tên Công ty</i>	<i>Ngành nghề kinh doanh</i>	<i>Vốn điều lệ</i>	<i>Tỷ lệ</i>
 Hải Minh Hải Phòng Km 103 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, Hải An, Hải Phòng Tel: (0313) 979946 Fax: (0313) 979947	Sản xuất máy móc thiết bị, thân xe có động cơ, rơmoóc, container; Sửa chữa máy móc thiết bị, container; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, cầu cảng, bến bãi, công trình công nghiệp; Vận tải hàng hoá bằng đường bộ, ven biển và viễn dương, đường thuỷ nội địa; Kho bãi, lưu giữ, bốc xếp hàng hoá; Dịch vụ đại lý tàu biển; Dịch vụ đại lý vận tải đường biển;	10.000.000.000 VND	100%
 Công ty Nam Phát Số 74 Đường Bao T.H Đạo, Hải Phòng Tel: (031) 3825393 Fax: (031) 741346	Vận tải đường bộ, biển, hàng không, Khai thuê HQ, dịch vụ giao nhận, thu gom, xếp dỡ hàng hóa, cho thuê kho bãi, kinh doanh XNK, xăng dầu, máy móc thiết bị phụ tùng, tổ chức tour du lịch, cải tạo thiết kế thi công sửa chữa, đóng mới các phương tiện cơ giới và container	21.484.000.000 VND	96.08%



LD TV Hoàng Nam
57-59 Hồ Tùng Mậu,
Quận 1, HCM

Khai thác kho, bãi container, kho CFS, dịch vụ tiếp vận, bốc xếp hàng hóa, đại lý hãng tàu. Sản xuất, bảo trì, sửa chữa và vận tải container

150.000 USD 55.00%

Các đơn vị liên doanh liên kết

Tên Công ty	Ngành nghề kinh doanh	Vốn điều lệ	Tỷ lệ
 K'Line (Vietnam) 60A Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội	Đại lý tàu biển, đại lý hàng hải, môi giới hàng hải, đầu tư, xây dựng và khai thác cảng, cho thuê và kinh doanh thiết bị bốc xếp, mua bán và cho thuê tàu	500.000 USD	49.00%
 C.ty Hải Thanh Thanh 17/1 Trần Bình Trọng, Bình Thạnh, HCM	Mua bán, sửa chữa, bảo dưỡng xe container, xe cơ giới, phụ tùng container, kim khí điện máy, điện lạnh. Bốc xếp, giao nhận hàng hóa, kinh doanh vận tải. Chế tạo và đóng mới các phương tiện vận tải	400.000.000 VND Lợi nhuận giữ lại 2006 là 172.323.840 tái đầu tư	45.00%
Công ty CP Quốc tế Sao biển (Sea Star International Port) Tel: Fax:	Vận tải đa phương thức, cho thuê kho bãi, đại lý hàng hải, xây dựng cầu cảng bến bãi, kinh doanh và khai thác cảng biển, kinh doanh nhà, cho thuê văn phòng, cung ứng dịch vụ tàu biển, lai dắt, đại lý, kiểm đếm, sửa chữa, vệ sinh tàu biển	90.000.000.000 VND	10.00%
 C.ty VT&XD Hải Đăng 23 Tôn Đức Thắng, Q1	Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, nhà ở và cho thuê. Kinh doanh bất động sản. Vận tải hàng hóa, Đại lý tàu biển, Xếp dỡ hàng hóa	50.000.000.000 VND	2.00%
C.ty xếp dỡ Hải An	Vận tải hàng; xây dựng khai thác và kinh doanh cảng; bốc xếp hàng hóa; thuê và cho thuê kho bãi; vận chuyển hàng siêu trường siêu trọng; đại lý vận tải giao nhận hàng hóa.	300.000.000.000 VND	1.50%

3.2 Một số chỉ tiêu tài chính:

TIÊU CHÍ	ĐVT	2006	2007	2008
Cơ cấu tài sản				
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	41,21	35,56	34.53
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	58,79	64,44	65.47
Cơ cấu nguồn vốn				
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	39,14	14,17	8.50
Vốn chủ sở hữu/ Nguồn vốn	%	60,86	85,83	91.50
Khả năng thanh toán				
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	2,44	7,24	4.56
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,30	4,33	1.18
Tỷ suất sinh lời				
Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	17,81	28,99	34.11
Lợi nhuận sau thuế /Doanh thu	%	14,28	25,93	31.99
Lợi nhuận trước thuế /Tổng tài sản	%	16,89	22,69	26.17
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	24,62	24,90	27.74
Lợi nhuận sau thuế/Vốn đầu tư CSH	%	30,59	43,15	59.47
Giá trị sổ sách 31/12/2007	đ/cp	12.420	17.330	21.440

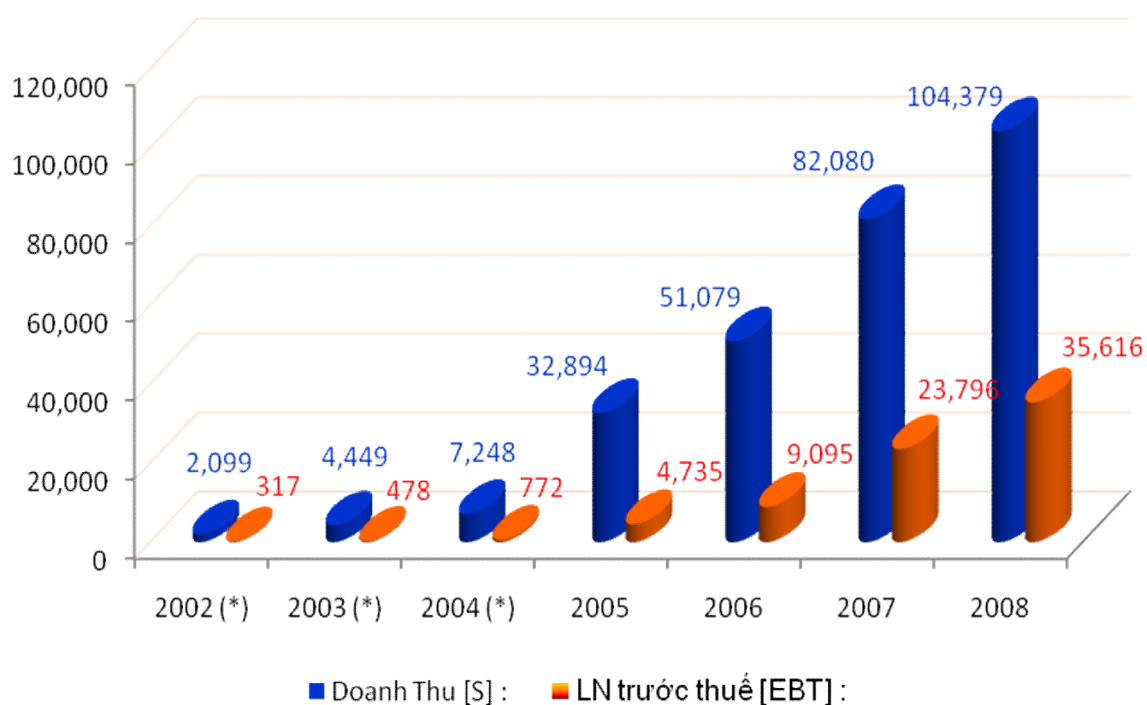
3.3 Tổng hợp tình hình qua các năm

DVT: Triệu Đồng

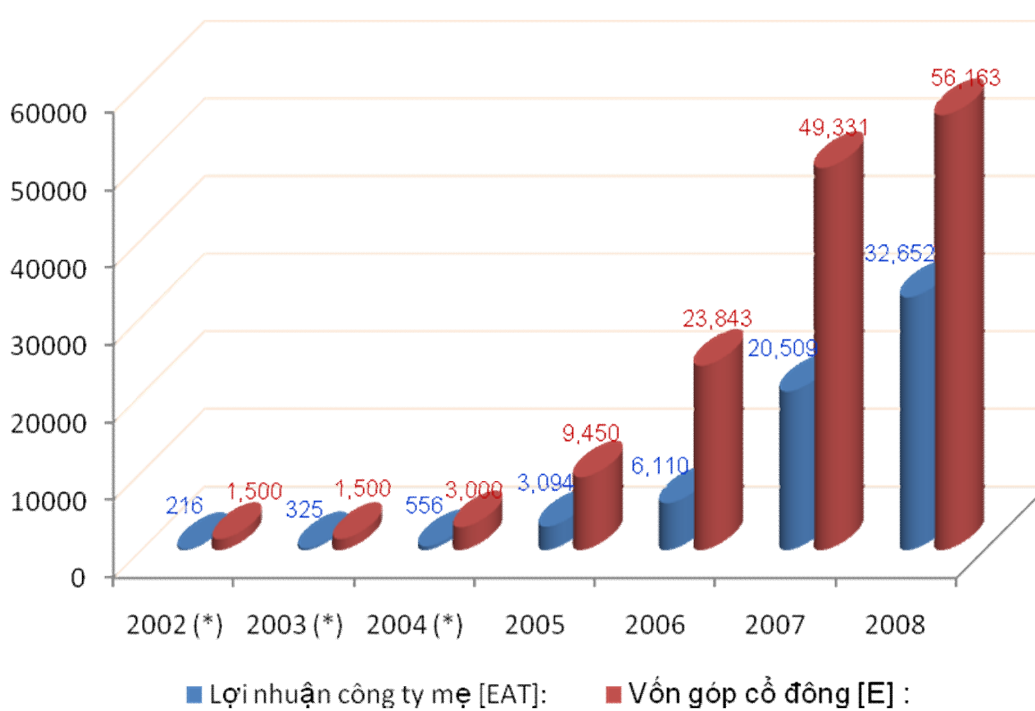
Tiêu chí	2002 (*)	2003 (*)	2004 (*)	2005	2006	2007	2008
Doanh Thu	2,099	4,449	7,248	32,894	51,079	82,080	104,379
LN trước thuế:	317	478	772	4,735	9,095	23,796	35,616
LN sau thuế (hợp nhất):	216	325	556	3,444	7,292	21,285	33,402
- Lợi ích cổ đông thiểu số :				350	1,182	775	749
- Lợi nhuận công ty mẹ :	216	325	556	3,094	6,110	20,509	32,652
Cổ tức chia:	60			1,877	5,595	7,113	11,233
Vốn góp cổ đông:	1,500	1,500	3,000	9,450	23,843	49,331	56,163
Lãi cơ bản trên cổ phiếu:	1,440	2,167	1,853	4,242	3,068	6,139	5,657

(*) Số liệu chưa kiểm toán

Doanh thu và Lợi nhuận



Vốn góp cổ đông và Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ



3.4 Kết quả hoạt động kinh doanh 2008:

Các chỉ tiêu kế hoạch về kinh doanh như doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách đạt kết quả tốt, vượt kế hoạch đề ra cho cả năm 2008 chi tiết như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng.

CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2007	KẾ HOẠCH 2008	THỰC HIỆN 2008	SO SÁNH (%)	
				2008/2007	TH/KH
1. Doanh thu	82.080	85.000	104.370	127	123
2. Lợi nhuận Hải Minh	20.509	22.000	32.652	159	148

Phân tích theo hoạt động của Công ty:**3.4.1 Vận tải bộ:**

Nhóm Công ty đang quản lý và khai thác đội xe chở hàng hóa, xe vận tải container chuyên dùng với tổng cộng 40 xe đầu kéo và 21 rơ móc 20 feet, 40 feet hoạt động tại các khu vực có nhu cầu vận chuyển hàng hóa cao ở Hải Phòng, Hà Nội, Tp HCM, Đồng Nai, Bình Dương.... Khách hàng truyền thống của Công ty là các công ty xuất nhập khẩu lớn như Transvina, Toyota, Nike, Maersk...Nhu cầu vận chuyển hiện nay ngày càng tăng, công ty đang từng bước đầu tư thêm trang thiết bị đầu kéo mới, đáp ứng tốt tất cả các nhu cầu về vận chuyển container, chuyển tải hàng hóa...

Hiệu quả kinh doanh vận tải bộ phụ thuộc lớn giá cước vận tải từng khu vực cũng như vào quản lý tiêu hao nhiên liệu, chi phí phát sinh. Công tác quản lý điều độ bộ phận vận tải bộ được từng bước chuyên nghiệp hóa nhằm khai thác hiệu quả cao nhất công suất từng phương tiện, mang lại hiệu quả cũng như nâng cao thương hiệu của Công ty trong thị phần vận tải ngày càng cạnh tranh khốc liệt giữa các công ty.

Năm 2008, do tình hình biến động giá nhiên liệu đầu vào tăng quá cao cụ thể là giá dầu diesel tăng hơn 20% so với đầu năm khiến cho hoạt động vận tải bộ gặp rất nhiều khó khăn. Bên cạnh đó sự cạnh tranh ngày càng gay gắt trên thị trường dẫn đến kết quả hoạt động vận tải bộ trong thời gian vừa qua bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Năm 2008, doanh thu vận tải bộ chiếm 30,32 % tổng doanh thu, tương ứng 31.645.280.709đ (chỉ đạt 91,80% so với cùng kỳ năm ngoái) nhưng nhưng giá vốn lại tăng đến 110% (phần lớn do ảnh hưởng của việc tăng giá xăng dầu), lợi nhuận gộp từ hoạt động vận tải bộ là 2.201.380.129đ.

Tuy mảng vận tải bộ đóng góp vào lợi nhuận chung của Công ty hiệu quả chưa cao nhưng đây là một trong những chuỗi dịch vụ khép kín các khâu từ vận tải biển, khai thác cảng, dịch vụ giao nhận ...của Công ty cung cấp cho khách hàng. Trong thời gian tới Công ty sẽ tiếp tục đẩy mạnh hoạt động tiếp thị, quản lý chặt chẽ chi phí đầu vào, mức tiêu hao nhiên liệu hợp lý, thúc đẩy mảng vận tải bộ phát triển tương ứng với tốc độ phát triển của Công ty.

3.4.2 Vận tải thủy:

Tuy chỉ mới đưa vào hoạt động dịch vụ vận tải thủy nhưng trong thời gian qua, bộ phận vận tải thủy đang từng bước góp phần vào sự phát triển thương hiệu của Công ty trên thị trường vận tải. Từ việc chỉ đơn thuần là vận chuyển hàng rời cho các khách hàng trong khu vực nội thị Tp Hải Phòng, Quảng Ninh, Tp Hồ Chí Minh như sắt thép, phân bón, nguyên liệu....Công ty đã mạnh dạn nghiên cứu và mở rộng thêm loại hình dịch vụ vận tải hàng hóa bằng container từ Tp HCM đi

các cảng thuộc Đồng bằng sông Cửu Long cũng như phát triển trở thành 01 trong những liner hàng đầu trên thị trường chuyên cung cấp tuyến vận tải quốc tế Tp Hồ Chí Minh – Phnompenh, Campuchia.

Nhu cầu vận tải bằng đường thủy ngày càng được các khách hàng lựa chọn do giá thành thấp, tính cơ động cao do phần lớn khu vực miền Nam có hệ thống kênh rạch, sông rộng khắp, thuận tiện cho phát triển hệ thống vận tải thủy.

Khách hàng của Công ty hầu hết là các hãng tàu lớn trong khu vực như “K” Line, Wan Hai, TS Line, Hanjin, Evergreen, MOL... và những doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa từ Việt Nam vào thị trường Campuchia.

Hiện nay đội sà lan của Công ty là 04 chiếc với tổng trọng tải 6.600 tấn tương đương 252 teus/chuyến, Công ty đã dần đáp ứng được nhu cầu vận tải giao thương giữa Tp HCM và khu vực Đồng bằng sông Cửu Long cũng như kết nối giao thương giữa Việt Nam với Campuchia. Chiến lược Công ty đặt ra từ đây đến năm 2012 sẽ đầu tư nâng cấp đội tàu sông lên 10 chiếc với tổng trọng tải 700 teus/chuyến nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của các doanh nghiệp trong lĩnh vực vận tải đường thủy, nhất là khi các Cảng biển lớn ở nội thành Tp HCM được di dời. Hiện nay, Công ty đã bắt đầu khai thác dịch vụ vận chuyển container từ các cảng trong nội thành Tp HCM đến và đi các Cảng thuộc khu vực Cái Mép Thị Vải như SP-PSA, Tân Cảng Cái Mép. Theo dự kiến, khi các cảng thuộc khu vực trên hoạt động hết công suất sẽ mang lại lượng hàng hóa vận chuyển bằng sà lan rất lớn do hiệu quả kinh tế vượt trội về thời gian cũng như chi phí so với vận chuyển bằng đường bộ.

Thời gian đầu đưa vào khai thác, công ty đã chấp nhận chịu lỗ chi phí để thâm nhập thị trường, tạo dựng tên tuổi, và đã thành công trong chiến lược marketing xây dựng khối lượng khách hàng truyền thống. Bên cạnh đó, do chịu ảnh hưởng lớn từ việc tăng giá nhiên liệu quá cao, thiết bị hỗ trợ chưa đầu tư kịp như vỏ container rỗng... nên thời gian qua mặc dù nỗ lực khai thác, bộ phận vận tải thủy vẫn chưa mang lại hiệu quả như mong muốn.

Năm 2008 doanh thu vận tải thủy chiếm 19.5% tổng doanh thu tương ứng 21.687.186.749đ tăng 245,42% so với cùng kỳ năm ngoái. Mặc dù chưa mang lại lợi nhuận nhưng với lợi thế là thâm nhập thị trường tốt, lượng hàng hóa vận chuyển dần ổn định và tăng cao khi tình hình kinh tế thế giới cũng như khu vực thoát khỏi suy thoái và ổn định, giá nhiên liệu đầu vào giảm theo xu hướng thị trường, công quản lý khai thác, điều động tốt hơn, bộ phận này sẽ bù lỗ được và hứa hẹn mang lại hiệu quả cho nhóm công ty.

3.4.3 Kinh doanh kho bãi container:

Đây là hoạt động mang lại hiệu quả cao nhất cho nhóm công ty trong thời gian vừa qua. Tại khu vực Hải Phòng, Tp Hồ Chí Minh công ty hiện đang khai thác 04 bãi container với tổng diện tích 60.000 m², tương đương sức chứa khoảng 3.500 TEUS.

Ngoài ra công ty còn có hệ thống kho CFS diện tích hơn 3.000 m² tại khu vực Cảng Đình Vũ, Hải Phòng phục vụ cho các nhu cầu xếp dỡ hàng CFS, cho thuê kho ...

Tuy chỉ mới đưa vào khai thác gần đây, nhưng hiện nay hệ thống kho, bãi container đã phục vụ cho rất nhiều hãng tàu để chứa container rỗng, các chủ hàng làm thủ tục xuất nhập khẩu hàng hóa. Công suất sử dụng kho bãi thường xuyên đạt trên 80% công suất.

Nhằm nâng cao hiệu quả khai thác, Công ty đầu tư hệ thống các phương tiện hiện đại nhằm khai thác hiệu quả như xe nâng PPM có thể xếp dỡ container 5 tầng, hệ thống kiểm tra giám sát container tự động... Cũng như kết hợp sử dụng hiệu quả phương tiện của bộ phận vận tải bộ, vận tải thủy để phục vụ tối đa nhu cầu xếp dỡ, vận chuyển, lưu cont... tại kho bãi của đơn vị.

Nhằm phục vụ tốt hơn khách hàng, Công ty hiện đang tìm kiếm và triển khai đầu tư thêm tại khu vực phía Nam 01 bãi container khoảng 20.000m², đã đầu tư 01 bãi container PISD tại khu vực Hải Phòng.

Năm 2008, doanh thu kho bãi chiếm 35,49% tổng doanh thu toàn công ty tương đương 37 tỷ đồng tăng 110,8% so với cùng kỳ 2007 và chiếm 58,91% lợi nhuận gộp toàn nhóm công ty.

3.4.4 Dịch vụ khác:

Ngoài các dịch vụ trên Công ty còn có các dịch vụ khai thuê Hải quan, dịch vụ đại lý tàu, đại lý giao nhận, đại lý mua bán thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực xếp dỡ container cho Hãng Terex của Pháp, kinh doanh XNK....

Năm 2008, doanh thu dịch vụ khác chiếm 10% tổng doanh thu tương ứng 14.004.600.224 đ tăng 262,17% so với năm 2007 và đóng góp 28.8% lợi nhuận gộp toàn nhóm công ty.

3.4.5 Hoạt động đầu tư liên kết liên doanh:

Góp phần lớn trong tỷ trọng lợi nhuận trước thuế của công ty trong các năm gần đây là từ hoạt động đầu tư, góp vốn liên kết liên doanh với các đơn vị trong lĩnh vực vận tải. Trong thời gian qua Công ty đã tham gia góp vốn với hãng tàu “K” Line của Nhật Bản thành lập Công ty TNHH “K” Line Việt Nam, Góp vốn với các đối tác thành lập Công ty Cổ phần Cảng quốc tế Sao Biển, Công ty TNHH Vận Tải Xây Dựng Hải Đăng. Công ty TNHH Hải Thanh Thanh. Hiện nay chiếm tỷ trọng đáng kể nhất là hiệu quả mang lại từ Công ty TNHH “K” Line Việt Nam với lợi nhuận năm 2008 là 44.295.551.000 đ, Công ty Hải Minh đã hạch toán 49% lợi nhuận này trong báo cáo hợp nhất của Công ty.

Công ty cũng đang và đã đàm phán với một số đối tác để thành lập Công ty xếp dỡ Hải An tại Hải Phòng cũng như các dự án khác trong lĩnh vực khai thác cảng, kho bãi, logistics...

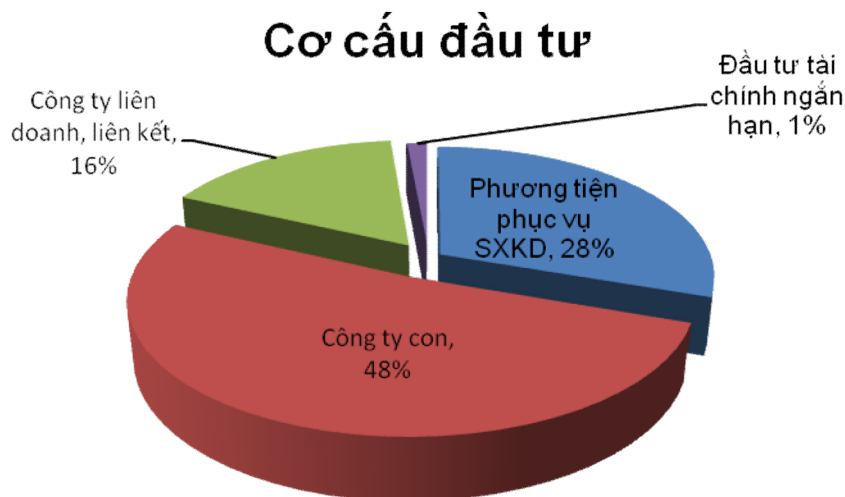
Hoạt động đầu tư chiến lược trong thời gian đầu (ngoài phần đầu tư vào K Line Việt Nam rất tốt) chưa mang lại hiệu quả rõ rệt nhưng khi các dự án đi vào hoạt động cụ thể, sẽ là nguồn thu ổn định cho công ty bên cạnh các mảng hoạt động kinh doanh chính.

Sản lượng, doanh thu, lãi gộp của từng nhóm sản phẩm, dịch vụ:

DVT: Triệu Đồng

Bộ phận	2007			2008					
	Doanh thu	Giá vốn	K. Quả KD	Doanh thu		Giá vốn		K. Quả KD	
Vận tải bộ -	34,470	30,933	3,537	31,645	39%	29,444	34%	2,201	#####
Vận tải sông -	8,837	9,256	(419)	21,687	26%	21,743	25%	(56)	-0.3%
Khai thác cảng -	33,432	21,198	12,234	37,042	45%	26,753	31%	10,289	#####
Hoạt động khác -	5,342	2,327	3,015	14,005	17%	8,972	10%	5,033	#####
Cộng	82,081	63,714	18,367	104,380		86,912		17,467	

3.5 Cơ cấu đầu tư theo tỷ trọng vốn



(Số liệu cập nhật đến 30.06.2009)

3.6 Thay đổi vốn điều lệ và cơ cấu cổ đông:

Vốn điều lệ đầu năm là 49.330.740.000 đồng, công ty tiến hành chuyển đổi trái phiếu theo quyết định số 039 /HĐQT-HM ngày 12/05/2008 của hội đồng quản trị nâng tổng vốn lên 56.163.800.000 đồng bao gồm

- Cổ phiếu phổ thông : 5.438.790 cổ phiếu
- Cổ phiếu ưu đãi cổ tức : 177.590 cổ phiếu

- Cơ cấu cổ đông tính đến ngày 01/09/2009 như sau:

Cơ cấu cổ đông	Số lượng	%	Vốn góp	% vốn góp
- Cá nhân	302	96.49	43,914	78.2%
- Tổ chức nước ngoài	1	0.32	1,776	3.2%
- Tổ chức trong nước	2	0.64	2,000	3.6%
- HĐQT	5	1.60	5,890	10.5%
- Ban Kiểm soát	3	0.96	2,584	4.6%
Cộng	313	100	56,164	100.0%

- Thông tin chi tiết về cổ đông lớn: Không có

3.7 Tổ chức nhân sự:

- Cơ cấu tổ chức của công ty gồm: Ban giám đốc: 01 Giám đốc, 01 trợ lý; Phòng Tổ chức hành chính; Phòng tài chính kế toán; Phòng Nghiệp vụ; Phòng Đầu tư.
- Thay đổi trong ban giám đốc điều hành trong năm: Không có
 - Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động: Số lượng lao động tại 31/12/2008 là 86 người với thu nhập bình quân tháng là 7.600.000 đồng/người.
 - Công ty thực hiện chính sách trả lương cho người lao động dựa vào sự đóng góp của người lao động đối với công ty đảm bảo thu nhập ổn định cho người lao động để người lao động yên tâm công tác. Việc chi trả lương cho người lao động đúng thời gian qui định.
 - Các chính sách về tiền thưởng như thưởng nhân dịp lễ, tết, thưởng theo hiệu quả, thưởng tháng 13... được công ty thực hiện đầy đủ nhằm khuyến khích người lao động.
 - Các chế độ chính sách về Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hộ lao động, đào tạo được công ty thực hiện theo đúng quy định, các trang thiết bị an toàn cho người lao động đều được Công ty đáp ứng.
- Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát :

Trong đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài khóa 2006 tổ chức ngày 14/07/2007, Đại hội đã bầu thành viên hội đồng quản trị và ban kiểm soát nhiệm kỳ 2007-2012 như sau:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
1. Ông Nguyễn Quốc Hùng	Chủ tịch	14/07/2007
2. Ông Phùng Văn Quang	P.Chủ Tịch	14/07/2007
3. Ông Nguyễn Trung Kiên	Thành viên	14/07/2007
4. Ông Nguyễn Thành Chương	Thành viên	14/07/2007
5. Bà Nguyễn Mỹ Hải	Thành viên	14/07/2007

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
1. Ông Nguyễn Thế Quân	Trưởng ban	14/07/2007
2. Ông Triệu Đình Trung	Ủy viên	14/07/2007
3. Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Ủy viên	14/07/2007

3.8 Những khó khăn và thuận lợi trong năm

a. Khó khăn :

- Thị trường dịch vụ biến động phức tạp, ảnh hưởng của suy thoái vào những tháng cuối năm dẫn đến doanh thu sụt giảm mạnh.
- Chi phí nhiên liệu tăng mạnh do nhà nước điều chỉnh giá xăng dầu nhưng Công ty chưa có thể tăng giá dịch vụ theo tương ứng dẫn đến ảnh hưởng lợi nhuận.
- Điều kiện tại các bãi container rộng chưa thật sự tốt, phương tiện hỗ trợ bị hư hỏng nhiều lần làm ảnh hưởng doanh thu. Bãi bị hư hỏng nhiều nên ảnh hưởng đến năng suất khai thác.

b. Thuận lợi:

- Hỗ trợ tối đa của các đơn vị thành viên và các đối tác như K-Line Việt Nam, Vinabridge...
- Sự hỗ trợ tích cực của các CBCNV, đặc biệt là từ Hội đồng quản trị đã có những định hướng đúng đắn cho sự phát triển lâu dài của Công ty.

4. Báo cáo kiểm toán:

Công ty kiểm toán DTL đã thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài khóa kết thúc ngày 31/12/2008. Công ty đã phối hợp với đơn vị kiểm toán thực hiện lập báo cáo tài chính hợp nhất trên tinh thần:

- Đầy đủ, trung thực và chính xác đối với các số liệu.
- Tuân thủ nghiêm ngặt chuẩn mực kế toán và công việc được tiến hành một cách thận trọng, nêu rõ và đầy đủ các vấn đề trọng yếu.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
VỀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN HỢP NHẤT NĂM TÀI KHOẢ 2008
CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Bảng thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ khi có ghi chú khác.

4.1 Đặc điểm hoạt động của Công ty**4.1.1 Các thông tin chung**

Công ty Cổ phần Hải Minh là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000801 ngày 24 tháng 1 năm 2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và đăng ký thay đổi lần 9 ngày 14 tháng 4 năm 2008.

Trụ sở Công ty được đặt tại 57-59, đường Hồ Tùng Mậu, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có các chức năng kinh doanh chủ yếu sau:

Sản xuất mua bán máy móc thiết bị chuyên dùng trong công nghiệp. Mua bán xe chuyên dùng. Sản xuất và sửa chữa container, thiết bị chuyên dùng. Sản xuất và gia công lắp ráp máy lạnh, hệ thống cơ điện lạnh. Dịch vụ cho thuê kho bãi, bốc xếp hàng hóa, dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ vận chuyển hàng hóa đường bộ-đường sông-đường biển. Đại lý tàu biển. Cho thuê thiết bị chuyên dùng trong bốc xếp, vận chuyển. Kinh doanh vận tải đa phương thức. Đại lý hàng hải. Môi giới hàng hải. Đại lý vận tải đường hàng không. Sửa chữa phương tiện vận tải đường thủy-đường biển (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). đầu tư và khai thác cảng. Xây dựng cầu cảng, bến bãi, công trình dân dụng, công nghiệp. Mua bán thiết bị, máy móc ngành nông nghiệp.

4.1.2 Tổng số công ty con

Số lượng các công ty con được hợp nhất Báo cáo tài chính gồm: 2 công ty như trình ở phần 1.3 dưới đây.

4.1.3 Danh sách các công ty con được hợp nhất

- Công ty Tiếp vận Hoàng Nam
 - Địa chỉ: Số 57 – 59 Hồ Tùng Mậu, phường Bến Nghé, Quận I, thành phố Hồ Chí Minh

- Hoạt động chính: khai thác và quản lý kho bãi Container và kho CFS, kho chứa hàng, cho thuê kho bãi, thu xếp hàng hóa, khai thác và quản lý dịch vụ tiếp vận, dịch vụ kiểm hàng theo ủy quyền, hợp đồng và cung cấp lao động bốc xếp, vận chuyển container bằng đường bộ, quản lý container, dịch vụ vận tải đường biển và đường bộ.
- Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ là 55,29 %
- Quyền biểu quyết của công ty mẹ là 55,29 %
- **Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát**
 - Địa chỉ: tầng 2 khách sạn Việt Trung, 103 đường Nguyễn Bình Khiêm, Quận Hải An, thành phố Hải Phòng.
 - Hoạt động chính: Vận tải đường bộ, dịch vụ khai thuế Hải quan, đại lý giao nhận, vận chuyển hàng hóa đường bộ, đường biển, đường hàng không cho các Công ty giao nhận vận tải quốc tế, thu gom, xếp dỡ hàng hóa xuất nhập khẩu.
 - Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ là 96,08 %
 - Quyền biểu quyết của công ty mẹ là 96,08 %

4.2 Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- Niên độ kế toán: Niên độ kế toán của Công ty từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

4.3 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

- *Chế độ kế toán áp dụng:* Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.
- *Hình thức kế toán áp dụng:* Công ty áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chứng từ.
- *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:* Công ty tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 – Đầu tư vào công ty con và báo cáo tài chính hợp nhất để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008.

4.4 Các chính sách kế toán áp dụng

4.4.1 Nguyên tắc hợp nhất báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Hải Minh, báo cáo tài chính các công ty con (gọi chung là Tập đoàn) và phần quyền lợi của Công ty trong lãi lỗ của các công ty liên doanh liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Tại thời điểm thụ đắc Công ty con, lợi thế thương mại được xác định là khoản chênh lệch giữa các chi phí đầu tư và giá trị thuần của những tài sản thuần có thể xác định. Lợi thế thương mại được trình bày thành một khoản mục riêng biệt trên báo cáo tài chính hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào chi phí trong báo cáo tài chính hợp nhất trong thời hạn là 10 năm.

4.4.2 Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền
Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.
- Nguyên tắc chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán
Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối niên độ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.4.3 Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho
 - Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.
 - Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
 - Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.
- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ
Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho
Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên

4.4.4 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận
Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.
- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi
Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.4.5 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình
Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.
- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

- | | |
|----------------------------|------------|
| • Phương tiện vận tải | 6 – 10 năm |
| • Thiết bị dụng cụ quản lý | 3 – 5 năm |
| • Phần mềm kế toán | 3 năm |

4.4.6 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư dài hạn khác

- Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn: Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4.4.7 Ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

4.4.8 Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

4.4.9 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.4.10 Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành; chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với các báo thuế của các công ty trong Tập đoàn.

4.4.11 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

4.4.12 Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh đã được sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của niên độ này.

4.5 Kết quả kinh doanh

DVT: Đồng

STT	CHỈ TIÊU	2008	2007
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	#####	82,080,611,453
2	Các khoản giảm trừ	31,831,380	-
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	#####	82,080,611,453
4	Giá vốn hàng bán	86,912,669,001	63,713,611,390
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	17,466,845,575	18,367,000,063
6	Doanh thu hoạt động tài chính	2,321,965,526	904,041,869
7	Chi phí tài chính	1,861,290,701	1,957,629,378
	Chi phí lãi vay	529,682,198	418,917,418
8	Chi phí bán hàng	-	-
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	6,566,382,683	6,762,784,243
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	11,361,137,717	10,550,628,311
11	Thu nhập khác	2,547,370,899	678,988,496
12	Chi phí khác	13,249,647	594,665,200
13	Lợi nhuận khác	2,534,121,252	84,323,296
14	Phần lợi nhuận loặc lỗ trong công ty LDLK	21,721,710,947	13,160,973,801
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	35,616,969,916	23,795,925,408
16.1	Chi phí thuế TNDN hiện hành	2,214,753,192	2,511,261,083
16.2	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	33,402,216,724	21,284,664,325
	- Lợi ích của cổ đông thiểu số	749,229,877	775,202,932
	- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty m	32,652,986,847	20,509,461,393
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5,657	6,139

4.6 Bảng cân đối kế toán

4.6.1 Tài sản

DVT: VND

TÀI SẢN	MS	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	46,995,680,302	37,294,276,156
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	7,277,534,304	20,424,982,940
1. Tiền	111 5.1	5,777,534,304	11,424,982,940

2. Các khoản tương đương tiền	112		1,500,000,000	9,000,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4,964,510,000	1,884,500,000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		5,671,080,000	1,884,500,000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(706,570,000)	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		32,240,255,812	12,957,155,438
1. Phải thu khách hàng	131		18,421,555,475	12,245,235,275
2. Trả trước cho người bán	132		165,472,433	242,053,000
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	5.2	13,653,227,904	469,867,163
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	5.3	265,534,500	265,534,500
1. Hàng tồn kho	141		265,534,500	265,534,500
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2,247,845,686	1,762,103,278
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		182,926,955	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		73,957,395	349,886,870
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		180,917,592	27,292,212
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.4	1,810,043,744	1,384,924,196
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		89,114,033,973	67,579,340,037
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn k.doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		50,405,417,476	38,763,399,296
1. TSCĐ hữu hình	221	5.5	49,275,500,807	35,946,219,527
+ Nguyên giá	222		63,532,284,910	43,572,197,054
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(14,256,784,103)	(7,625,977,527)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	5.6	1,129,916,669	1,825,989,769
+ Nguyên giá	228		1,137,000,000	2,102,588,214
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7,083,331)	(276,598,445)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	991,190,000

III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
1. Nguyên giá	241		-	-
2. Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		31,433,331,567	21,693,933,740
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.7	30,233,331,567	17,293,933,740
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.8	1,200,000,000	4,400,000,000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
V. Lợi thế thương mại	260	5.9	5,939,431,042	6,681,859,922
VI. Tài sản dài hạn khác	270		1,335,853,888	440,147,079
1. Chi phí trả trước dài hạn	271		1,149,437,888	253,731,079
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	278		186,416,000	186,416,000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		136,109,714,275	104,873,616,193

4.6.2 Nguồn vốn

DVT: VND

NGUỒN VỐN	MS		Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		11,575,172,650	14,855,403,891
I. Nợ ngắn hạn	310		10,301,741,051	5,148,803,738
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		1,705,504,216	1,685,264,400
2. Phải trả người bán	312		6,052,234,526	1,433,008,234
3. Người mua trả tiền trước	313		-	176,120,508
4. Thuế và các khoản phải nộp N. nước	314	5.10	1,170,990,822	1,214,614,434
5. Phải trả người lao động	315		13,088,297	256,406,323
6. Chi phí phải trả	316		-	226,787,379
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		1,359,923,190	156,602,460
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1,273,431,599	9,706,600,153
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		70,811,664	-

4. Vay và nợ dài hạn	334	5.11	992,991,882	9,499,532,100
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc	336		209,628,053	207,068,053
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		121,288,311,936	85,955,512,247
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.12	120,420,194,573	85,486,860,463
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		56,163,800,000	49,330,740,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		19,339,670,000	19,339,670,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1,450,194,555	1,182,424,655
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		609,031,569	240,782,102
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		42,217,400	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		42,815,281,049	15,393,243,706
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		868,117,363	468,651,784
1. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431		868,117,363	468,651,784
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C.LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500		3,246,229,689	4,062,700,055
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		136,109,714,275	104,873,616,193

4.7 Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

4.7.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
<i>Tiền mặt</i>	726.457.737	1.345.372.458
<i>Tiền gửi ngân hàng</i>	6.551.076.567	19.079.610.482
<i>Cộng</i>	7.277.534.304	20.424.982.940

4.7.2 Các khoản phải thu khác

	<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
<i>Cổ tức phải trả</i>	11.232.760.000	-
<i>Các khoản phải thu khác</i>	2.420.467.904	469.867.163
<i>Cộng</i>	13.653.227.904	469.867.163

4.7.3 Hàng tồn kho

Là công cụ dụng cụ bao bì luân chuyển

4.7.4 Tài sản ngắn hạn khác

Là khoản tạm ứng cho nhân viên.

4.7.5 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: 1.000 VND

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	Tài sản khác	Tổng cộng
<i>Nguyên giá</i>						
Số dư đầu năm	12.367.684	6.765.143	23.950.214	489.156	-	43.572.197
Tăng trong năm	991.190	671.714	16.147.263	64.332	2.085.588	19.960.087
Số dư cuối năm	<u>13.358.874</u>	<u>7.436.857</u>	<u>40.097.477</u>	<u>553.488</u>	<u>2.085.588</u>	<u>63.532.284</u>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>						
Số dư đầu năm	1.631.847	390.656	5.240.895	362.580	-	7.625.978
Khấu hao trong năm	829.156	1.461.239	3.933.607	92.477	398.289	6.714.768
Giảm khác	-	-	-	(83.962)	-	(83.962)
Số dư cuối năm	<u>2.461.003</u>	<u>1.851.895</u>	<u>9.174.502</u>	<u>371.095</u>	<u>398.289</u>	<u>14.256.784</u>
<i>Giá trị còn lại</i>						
Tại ngày đầu năm	10.735.837	6.374.487	18.709.319	126.576	-	35.946.219
Tại ngày cuối năm	<u>10.897.871</u>	<u>5.584.962</u>	<u>30.922.975</u>	<u>182.393</u>	<u>1.687.299</u>	<u>49.275.500</u>

4.7.6 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: 1.000 VND

Khoản mục	Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng	Phần mềm	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
<i>Nguyên giá</i>				
Số dư đầu năm	2.085.588	17.000	-	2.102.588
Tăng trong năm	-	-	1.120.000	1.120.000
Giảm trong năm	2.085.588	-	-	2.085.588

Số dư cuối năm	-	17.000	1.120.000	1.137.000
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	275.182	1.416	-	276.598
Khấu hao trong năm	-	5.667	-	5.667
Giảm trong năm	-275.182	-	-	-275.182
Số dư cuối năm	-	7.083	-	7.083
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	1.810.406	15.584	-	1.825.990
Tại ngày cuối năm	-	9.917	1.120.000	1.129.917

4.7.7 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Cuối năm	Đầu năm
Giá gốc khoản đầu tư	4.127.030.000	4.127.030.000
Lãi lũy kế	26.106.301.567	13.166.903.740
Cộng	30.233.331.567	17.293.933.740

- Đầu tư vào công ty TNHH Hải Thanh Thanh (vốn điều lệ 500.000.000 VND; trụ sở 17/1 đường Trần Bình Trọng, phường 5, quận Bình Thạnh; hoạt động chính: sửa chữa, bảo dưỡng các loại container, mua bán container, phụ tùng, cho thuê phương tiện vận tải...)
 Tỷ lệ góp vốn: Giá gốc khoản đầu tư: 225.000.000 VND, Lãi tích lũy đến 31/12/2008: 91.213.727 VND.
- Đầu tư vào công ty TNHH “K” Line Việt Nam (vốn điều lệ: 500.000 USD; trụ sở chính tại tầng 5 tòa nhà văn phòng VIC, số 60A Nguyễn Chí Thanh, quận Đống Đa, Hà Nội; hoạt động chính: cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng hóa bằng đường biển.)
 Tỷ lệ góp vốn: 49%
 Giá gốc khoản đầu tư: 3.902.030.000 VND, Lãi tích lũy đến 31/12/2008: 26.015.087.840 VND.

4.7.8 Đầu tư dài hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Cổ phiếu	-	3.200.000.000
Trái phiếu	1.200.000.000	1.200.000.000
Cộng	1.200.000.000	4.400.000.000

4.7.9 Lợi thế thương mại

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	6.681.859.922	-
Tăng trong năm	-	7.424.288.802
Phân bổ vào chi phí	(742.428.880)	(742.428.880)
Cộng	5.939.431.042	6.681.859.922

4.7.10 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước.

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	53.346.288	258.560.895
Thuế thu nhập doanh nghiệp	780.709.080	956.053.539
Thuế thu nhập cá nhân	194.302.953	-
Thuế khác	142.632.501	
Cộng	1.170.990.822	1.214.614.434

4.7.11 Vay và nợ dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Vay dài hạn	992.991.882	2.666.472.100
Trái phiếu chuyển đổi	-	6.833.060.000
Tổng cộng	992.991.882	9.499.532.100

Khoản vay dài hạn – Ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thương Việt Nam – Techcombank theo hợp đồng tín dụng số 223/HDTD/Th – PN/TCB theo khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ số 223 ngày 18 tháng 7 năm 2007, thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày 18 tháng 7 năm 2007, lãi suất 7,1 %/ năm.

4.7.12 Vốn chủ sở hữu**a. Biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	23.842.500	-	742.425	240.782	-	4.792.807	29.618.514

Tăng trong năm trước	25.488.240	19.339.670	440.000	-	-	20.509.461	65.777.371
Giảm trong năm trước	-	-	-	-	-	(9.909.024)	(9.909.024)
Số dư cuối năm trước/đầu năm nay	<u>49.330.740</u>	<u>19.339.670</u>	<u>1.182.425</u>	<u>240.782</u>	<u>-</u>	<u>15.393.244</u>	<u>85.486.861</u>
Tăng trong năm nay	6.833.060	-	267.770	368.250	42.217	32.652.987	40.164.284
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	(6.797.235)	-6.797.235
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	1.566.285	1.566.285
Số dư cuối kỳ	<u>56.163.800</u>	<u>19.339.670</u>	<u>1.450.195</u>	<u>609.032</u>	<u>42.217</u>	<u>42.815.281</u>	<u>120.420.195</u>

b. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	Cuối năm	Đầu năm
Vốn góp của Nhà nước	-	-
Vốn góp của các đối tượng khác	56.163.800	49.330.740
Cộng	<u>56.163.800</u>	<u>49.330.740</u>

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu đầu kỳ	49.330.740	23.842.500
Vốn đầu tư của chủ sở hữu tăng trong kỳ	6.833.060	25.488.240
Vốn đầu tư của chủ sở hữu giảm trong kỳ	-	-
Vốn đầu tư của chủ sở hữu cuối kỳ	<u>56.163.800</u>	<u>49.330.740</u>

d. Cổ phần

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra công	5.616.380	4.933.074

chúng

Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	5.616.380	4.933.074
--	-----------	-----------

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần

e. Phân phối lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận chưa phân phối năm trước chuyển sang	15.393.244	4.792.807
Lãi từ hoạt động kinh doanh	32.652.987	20.509.461
Lợi ích cổ đông thiểu số	1.566.285	-
Phân phối lợi nhuận	(6.797.235)	(9.909.024)
Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ	42.815.281	15.393.244

f. Lãi cơ bản trên cổ phần

	Năm nay	Năm trước
Lãi sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	32.652.986.847	20.509.461.393
Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ	5.772.574	3.340.847
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	5.657	6.139

4.8 Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

4.9.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ	104.411.345.956	82.080.611.453
Giảm giá hàng bán	(31.831.380)	-
Doanh thu thuần	104.379.514.576	82.080.611.453

4.9.2 Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn dịch vụ cung cấp	86.912.669.001	63.713.611.390

4.9.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	779.558.125	525.076.078
Lãi tiền cho vay	692.216.665	42.500.000
Chênh lệch tỷ giá	850.166.268	336.465.791
Thu nhập tài chính khác	24.468	-
Cộng	2.321.965.526	904.041.869

4.9.4 Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lỗ chênh lệch tỷ giá	621.872.026	609.680.510
Chi phí lãi vay	170.946.548	418.917.418
Lãi trái phiếu	358.735.650	878.534.550
Dự phòng đầu tư ngắn hạn	706.570.000	-
Khác	3.166.477	50.496.900
Cộng	1.861.290.701	1.957.629.378

4.9 Những thông tin khác**4.9.1 Các sự kiện sau ngày kết thúc niên độ**

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc niên độ đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này.

4.9.2 Những thông tin khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 được Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 31 tháng 7 năm 2009.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2009

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thế Hưng

Nguyễn Thành Chương